TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TDM** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 101/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TDM, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Lâm.**

2. Ông **Nguyễn Văn Hiệp.**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hồ Thị Hằng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TDM tham gia phiên tòa:*** Bà **Lưu Kim Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TDM, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Dung N, sinh năm 1997; địa chỉ: Số A, thôn B, xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số A, tổ B, khu phố C, phường H, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2019 và quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị Dung N là nguyên đơn trình bày: Bà N và ông Trần Quốc H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương ngày 19/3/2019. Quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, ông H không có trách Nệm với gia đình và đánh đập bà N Nều lần. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể tiếp tục chung sống với ông H nên yêu cầu

được ly hôn với ông Trần Quốc H. Về con chung, bà N xác định giữa bà với ông H không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Quốc H, do ông H thường xuyên đi vắng trong giờ hành chính. Theo kết quả xác minh tại địa phương xác định ông Trần Quốc H, sinh năm 1994, có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số A, tổ B, khu phố C, phường H, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Hiện nay, ông H đang sinh sống cùng với cha mẹ ruột của ông tại địa chỉ nêu trên. Do đó, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bà Phan Thị U là mẹ ruột của ông H nhận thay ông H. Tuy Nên, ông H không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn; về con chung: Không có; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 28/10/2019, bà N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trần Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dung N về việc ly hôn đối với bị đơn ông Trần Quốc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 28/10/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dung N có

đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Trần Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Dung N và ông Trần Quốc H tự nguyện kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 19/3/2019 của Ủy ban nhân dân phường H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, giữa bà N và ông Trần Quốc H đã phát sinh Nều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm chí đánh nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau, bà N đã về nhà cha mẹ ruột tại xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk sinh sống. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà và ông H không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do đó, bà N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông H. Về phía bị đơn ông Trần Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông H không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Dung N đối với ông Trần Quốc H là có cơ sở để chấp nhận, quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông H không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 177, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dung N đối với bị đơn ông Trần Quốc H về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Dung N được ly hôn với ông Trần Quốc H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 19/3/2019 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thị Dung N và ông Trần Quốc H).

- Về con chung: Đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Dung N phải nộp 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số AA/2016 - 0034604 ngày 26/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TDM.

3. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. TDM;
- Chi cục THADS Tp. TDM;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Chung